

NGHỊ QUYẾT**Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2030**

I. TÌNH HÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển vùng dân tộc thiểu số (DTTS); các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về đầu tư toàn diện vùng DTTS đảm bảo kịp thời, đồng bộ, phù hợp; cùng với sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của đồng bào các dân tộc trong tỉnh nên công tác phát triển vùng DTTS có chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, mọi mặt đời sống xã hội.

Kinh tế - xã hội vùng DTTS tiếp tục được quan tâm, từng bước được đầu tư hoàn thiện, làm thay đổi diện mạo của nông thôn vùng DTTS; sản xuất nông nghiệp ổn định và phát triển; công tác giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội được chú trọng. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS không ngừng được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS giảm nhanh, đến cuối năm 2020 giảm còn 3,58% (2.793 hộ); đến cuối năm 2021 giảm còn 8,55% (6.739 hộ, theo tiêu chí mới); 73/77 xã vùng DTTS đạt chuẩn nông thôn mới; 45/49 xã và 80/129 thôn đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn III; công tác bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do được các địa phương triển khai thực hiện (*triển khai 07 dự án, quy mô bố trí ổn định 1.411 hộ với tổng nguồn vốn 515 tỷ đồng*), tạo thuận lợi cho các hộ dân được cấp hộ khẩu, đăng ký tạm trú để hưởng các chính sách an sinh xã hội; hạ tầng đường giao thông, kiên cố hóa trường lớp học, công trình y tế, thiết chế văn hóa, hệ thống cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng vùng DTTS được triển khai đầu tư; thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án đầu tư phát triển vùng DTTS (*giai đoạn 2016 - 2020, tổng các nguồn vốn đầu tư vùng DTTS cả tỉnh là 3.700 tỷ đồng, trong đó Vốn NSNN đầu tư trực tiếp 1.900 tỷ đồng*); tiếp tục thực hiện chính sách giao khoán quản lý bảo vệ rừng với trên 12.458 hộ đồng bào DTTS được hưởng lợi, diện tích 311.000 ha.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng DTTS đảm bảo; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, tạo nguồn cán bộ người DTTS; không ngừng kiện toàn, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vùng DTTS hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế: Kinh tế - xã hội vùng DTTS phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh, điều kiện từng vùng; nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS còn thấp; công tác quy

hoạch, thực hiện dự án sắp xếp dân di cư tự do tại huyện Đam Rông và các địa phương khác còn chậm; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trình độ, năng lực sản xuất thấp, chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm phát triển chậm; thu nhập bình quân đầu người còn khoảng cách lớn so với bình quân chung của tỉnh (bằng 61,2%); tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao, công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững, còn nguy cơ tái nghèo; việc ứng dụng, chuyển giao khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống chưa nhiều, người dân chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất. Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS công tác các cơ quan Nhà nước còn thấp; tỷ lệ lao động qua đào tạo, chất lượng lao động chưa cao. Một số phong tục, tập quán lạc hậu trong vùng DTTS chậm loại bỏ. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn phức tạp; hoạt động tôn giáo trái phép một số nơi còn diễn ra; tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, sang nhượng đất đai trái phép xảy ra nhiều nơi; mê tín dị đoan, tín dụng đen, an ninh, trật tự nông thôn còn phức tạp...

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do: Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức, thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện phát triển sản xuất, đời sống của đồng bào DTTS; nguồn lực thực hiện một số chính sách đầu tư trong vùng DTTS chưa đáp ứng yêu cầu, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; một bộ phận người dân chưa tự lực, tự cường, mạnh dạn đầu tư vào sản xuất; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, đời sống vùng DTTS; chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc hạn chế; đối tượng xấu, thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để tuyên truyền, xúi giục, lôi kéo, kích động nhằm gây mất đoàn kết, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Bám sát Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, các nghị quyết, quyết định của Chính phủ liên quan; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Chương trình hành động số 10-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021 - 2026; tình hình và yêu cầu thực tế của từng vùng, từng địa phương để:

1.1. Xây dựng, triển khai Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS tỉnh giai đoạn 2022 - 2030 phải sát với yêu cầu thực tế, thực sự có hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra; đảm bảo phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh vùng DTTS là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; thực hiện nhất quán quan điểm của Đảng là các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết, tự lực, tự cường, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lòng tin của đồng bào DTTS với Đảng và Nhà nước; phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

1.2. Huy động, phát huy tổng hợp các nguồn lực đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS theo hướng toàn diện, bền vững; không trùng lặp, chồng chéo, khoảng trống giữa 03 Chương trình MTQG về xây

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi; phát huy quyền làm chủ và sự chủ động, tích cực tham gia của cộng đồng dân cư; khơi dậy tinh thần nỗ lực, tự lực vươn lên thoát nghèo của đồng bào DTTS; lấy mục tiêu nâng cao thu nhập, đời sống của đồng bào DTTS là thước đo hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.

1.3. Tích hợp các cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất; phân công đầu mỗi quản lý gắn với chức năng nhiệm vụ rõ ràng của cơ quan công tác dân tộc; nâng cao hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đảm bảo phân bổ mang tính toàn diện, tập trung, khách quan, khoa học, chính xác; ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn vùng DTTS, vùng an toàn khu cách mạng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Khai thác tiềm năng, lợi thế các địa phương trong vùng DTTS; đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân vùng DTTS so với bình quân chung của tỉnh; không còn xã khó khăn và đặc biệt khó khăn, giảm 60% số thôn đặc biệt khó khăn.

- Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS.

- Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phần đầu thu nhập bình quân đầu người trong vùng DTTS đạt từ 84 - 87 triệu đồng (*bằng 70% thu nhập bình quân đầu người của tỉnh*).

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm trên 3,0%/năm.

- Đầu tư, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường đến trung tâm xã, đường giao thông nông thôn; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,5% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- 95% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân di cư tự do (*tập trung, xen ghép*). Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào theo quy hoạch, kế hoạch (*sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư cho trên 616 hộ tại các địa phương; hỗ trợ đất sản xuất cho 840 hộ, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 3.188 hộ*).

- Từ 50% số lao động trở lên trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với

nhu cầu, điều kiện của người DTTS.

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người dân từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế vùng đồng bào DTTS đạt trên 98%; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95%. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa, lễ hội truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; từ 70% số thôn trở lên có đội văn hóa, văn nghệ (*câu lạc bộ*) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là người DTTS tại chỗ; bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương theo quy định.

2.3. Định hướng đến năm 2030

- Từ 70% số lao động trở lên trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS.

- Thu hẹp căn bản chênh lệch khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng trong tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ đồng bào dân tộc được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hoá chất lượng cao; tiếp tục thực hiện nâng cao các chỉ tiêu về phát triển sản xuất, kinh tế, văn hoá, xã hội, giảm nghèo nhằm từng bước phát triển toàn diện, nhanh, bền vững và hội nhập, đảm bảo an ninh, quốc phòng ổn định vững chắc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác dân tộc

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác dân tộc. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp đáp ứng yêu cầu của chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS.

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng DTTS; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS giai đoạn 2021 - 2030.

2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS

Khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của từng khu vực để tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chú trọng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân gắn sản xuất với chế biến, kết nối với thị trường, tạo chuỗi sản phẩm, gia tăng giá trị. Huy động, lồng ghép tổng

hợp các nguồn lực từ 03 Chương trình MTQG, các chương trình, đề án (*nguồn vốn Trung ương, đối ứng ngân sách địa phương, nhân dân, doanh nghiệp,...*); xác định, nguồn lực Nhà nước có vai trò quan trọng, nguồn lực của nhân dân và doanh nghiệp là chủ yếu để đầu tư phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an sinh xã hội trong vùng DTTS. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

2.1. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi thiết yếu

- Quy hoạch, đầu tư các dự án ổn định dân di cư tự do (*tập trung, xen ghép*), nhất là tại huyện Đam Rông để người dân có đầy đủ địa vị pháp lý, ổn định định cư, đảm bảo đất sản xuất, yên tâm sản xuất và ổn định cuộc sống lâu dài.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường giao thông, đường dân sinh, trường học, trạm y tế, hệ thống điện, nước sinh hoạt và các công trình thiết yếu tại các điểm tái định cư, ổn định dân di cư tự do (*tập trung, xen ghép*).

2.2. Nâng cao chất lượng nước sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất

- Triển khai thực hiện chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030; đảm bảo người dân vùng DTTS được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn; đảm bảo vệ sinh, bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân vùng DTTS.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích hộ DTTS tích cực sử dụng các nguồn nước sạch; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe.

- Tập trung nguồn lực đầu tư, mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ đồng bào DTTS; trong đó, ưu tiên khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, vùng đặc biệt khó khăn chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh; thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các hệ thống cấp nước theo quy định.

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Tăng cường hỗ trợ việc làm hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

- Giải quyết căn bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đối tượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

2.3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

- Triển khai xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung với chủng loại cây trồng, vật nuôi quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao phù hợp với tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, nguồn lực, điều kiện của từng địa phương và đáp ứng yêu cầu của thị trường đảm bảo phát triển ổn định, bền vững.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy khởi nghiệp kinh doanh, ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư trong vùng DTTS, làm hạt

nhân liên kết với các hộ dân, nhóm hộ dân phát triển sản xuất theo hướng xã hội hoá; đặc biệt là khuyến khích, phát huy tối đa nguồn lực, lợi thế, ý chí tự lực của nhân dân trong đầu tư phát triển kinh tế ổn định, bền vững.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết hàng hóa nông sản theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, theo nhiệm vụ và sản xuất đặc thù; xây dựng và nhân rộng vùng trồng dược liệu quý, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả, phù hợp với trình độ, phong tục tập quán của địa phương; liên kết tổ chức sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ ổn định sản phẩm, nhất là phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển mạnh các sản phẩm OCOP.

- Tiếp tục ưu tiên giao khoán quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng cho hộ đồng bào dân tộc gắn với trồng dược liệu dưới tán rừng, phát triển kinh tế rừng để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, đa dạng hoá sinh kế của người dân, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

2.4. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DTTS

Tăng cường đầu tư hạ tầng thiết yếu vùng DTTS, ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn như: Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi; y tế; mạng lưới chợ;... đảm bảo phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng. Xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng DTTS.

2.5. Phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS; hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm

phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục ở những cơ sở giáo dục có đông học sinh người DTTS để nâng cao chất lượng đầu ra; quan tâm đầu tư giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh người DTTS; có chính sách hỗ trợ các cơ sở dạy nghề, các doanh nghiệp có đào tạo, huấn luyện lao động người DTTS; nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ thực hiện công tác dân tộc các cấp.

2.6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng DTTS để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện các thiết chế văn hóa; bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống của các dân tộc, nhất là các dân tộc gốc Tây Nguyên, phát triển du lịch cộng đồng, du lịch bản địa; xây dựng đời sống văn hóa gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp từng địa phương, dân tộc; khuyến khích các nghệ nhân phổ biến, truyền dạy nghề truyền thống cho thế hệ trẻ; gìn giữ và phát huy những sản phẩm văn hóa độc đáo, hấp dẫn, hình thành các làng nghề truyền thống góp phần phát triển các loại hình văn hóa - du lịch.

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng DTTS kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho vùng DTTS gốc Tây Nguyên.

2.7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Tập trung đầu tư, nâng cấp các cơ sở y tế, trang thiết bị y tế; nâng cao tỷ lệ, chất lượng khám, chữa bệnh và chất lượng các dịch vụ y tế các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở để người dân tiếp cận được đầy đủ và công bằng với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại.

- Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ; tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng DTTS; chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện nghiêm túc các quy định về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật.

2.8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em; tuyên truyền, vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng; xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS; đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ

và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS. Phấn đấu đến năm 2025, ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

3. Giữ vững quốc phòng, an ninh

Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sỹ nhằm vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, mục tiêu phát triển của tỉnh và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng trong tình hình mới để người dân vùng DTTS nhận diện được rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng ly khai, tự trị dân tộc,... Động viên người dân vùng DTTS tích cực tham gia vào phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng DTTS đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, phối hợp giữa dân quân tự vệ với lực lượng công an xã, phường, thị trấn và các lực lượng khác trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở, qua đó góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

Tổ chức tốt công tác nắm tình hình ở cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, trên cơ sở đó kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền giải quyết các tình huống phát sinh, không để hình thành các “điểm nóng” về an ninh, trật tự, các vụ biểu tình, bạo loạn ở vùng DTTS, giải quyết kịp thời những phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo mới, tà đạo vùng DTTS, đồng thời loại trừ những yếu tố nhạy cảm, không để kẻ địch và các thế lực phản động lợi dụng kích động quần chúng chống đối trong lĩnh vực “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”. Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Lộ trình thực hiện

4.1. Đối với quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân di cư tự do (*tập trung, xen ghép*); giải quyết đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: Phấn đấu hoàn thành trước quý II/2024.

4.2. Đối với các nội dung còn lại: Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, đảm bảo mục tiêu, nội dung đề ra.

5. Nguồn lực thực hiện

5.1. Ngân sách Nhà nước

- Ngân sách Trung ương: Nguồn vốn được bố trí từ Chương trình MTQG phát triển vùng DTTS; nguồn vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đến năm 2030 và các chương trình, dự án khác.

- Vốn đối ứng của ngân sách địa phương (*giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến*

vốn đầu tư phát triển nguồn NSDP bố trí đối ứng thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh là 812 tỷ đồng, trong đó vốn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS 102,334 tỷ đồng).

5.2. *Nguồn vốn huy động:* Nguồn vốn xã hội hóa, thu hút từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn vốn vay tín dụng; từ nguồn nội lực của nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết này; kịp thời chỉ đạo giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và định kỳ tổ chức sơ kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

2. Các Ban của Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ban, ngành tỉnh; các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, định kỳ sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến các tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chính phủ; Ủy ban Dân tộc,
- TTTU, TT HDND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: VPTU, KT₂.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Trần Đức Quận